

Bản án số: 02/2025/DS-ST

Ngày : 23-7-2025

V/v “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nguyễn Văn Cử và bà Nguyễn Vũ Yến.

Thư ký phiên tòa: Ông Nay Y Sura, Thư ký TAND Khu vực 15 – Đắk Lắk.

Ngày 23/7/2025 tại Trụ sở TAND khu vực 15 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2025/TLST-DS ngày 11/4/2025 về việc “*Tranh chấp đòi tài sản là tiền phân chia tài sản chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Huỳnh S, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Nay là thôn L, xã P, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Kim L, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Nay là thôn P, xã S, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Đỗ Huỳnh S trình bày:* Vợ chồng tôi đã ly hôn theo quy định của pháp luật theo quyết định ly hôn số 02/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 09/01/2025 của TAND huyện Sơn Hoà, tỉnh Phú Yên, về phần tài sản chung của vợ chồng chúng tôi tự thỏa thuận, cụ thể: Chị L phải thanh toán cho tôi số tiền 900.000.000 đồng, chị L đã thanh toán cho tôi số tiền 700.000.000 đồng còn lại số tiền 200.000.000 đồng đến nay chị L chưa trả cho tôi nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Lê Thị Kim L phải thanh toán đủ cho tôi số tiền còn lại là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) như các bên đã thỏa thuận. Theo biên bản thỏa thuận phân chia tài sản ngày 07/11/2024, được UBND xã S chứng thực. Ngoài ra, tôi không yêu cầu gì thêm.

* Bị đơn chị Lê Thị Kim L trình bày: Tôi xác định vợ chồng chúng tôi đã ly hôn theo quy định của pháp luật, về tài sản chung chúng tôi tự thỏa thuận phân chia tài sản mỗi người nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản được chia, hai bên thống nhất tôi đưa cho anh S số tiền 900.000.000 đồng và tôi đã đưa cho anh S số tiền 700.000.000 đồng, còn lại số tiền 200.000.000 đồng giữ lại cho con gái lớn tên Đỗ Lê Quỳnh N, sinh ngày 03/4/2006 để mua xe và đóng bảo hiểm cho con hàng năm, mỗi người đóng $\frac{1}{2}$ bảo hiểm số tiền 23.000.000 đồng/năm (Bảo hiểm D đóng thời hạn 15 năm), còn lại cùng lo cho con ăn học mà giữa tôi và anh S thỏa thuận trước khi ly hôn. Hiện nay con Đỗ Lê Quỳnh N đang sinh sống với tôi, còn nếu con Đỗ Lê Quỳnh N ở với anh S thì tôi sẽ giao số tiền 200.000.000 đồng để lo cho con. Ngoài ra, tôi không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Yêu cầu bị đơn tiếp tục thanh toán khoản tiền 200.000.000 đồng là tiền phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân theo Biên bản thỏa thuận phân chia tài sản ngày 07/11/2024 đã được UBND xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên chứng thực (Nay là xã S, tỉnh Đắk Lắk).

- Bị đơn: Xác nhận chưa thanh toán khoản tiền 200.000.000 đồng như nguyên đơn khởi kiện là đúng. Tuy nhiên số tiền 200.000.000 đồng bị đơn giữ lại cho con gái lớn tên Đỗ Lê Quỳnh N, sinh ngày 03/4/2006 để mua xe và đóng bảo hiểm cho con hàng năm theo thỏa thuận miệng là mỗi người đóng $\frac{1}{2}$ bảo hiểm số tiền 23.000.000 đồng/năm (Bảo hiểm D đóng thời hạn 15 năm), còn lại cùng lo cho con ăn học mà giữa bị đơn và nguyên đơn đã thỏa thuận trước khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Anh Đỗ Huỳnh S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Kim L1 có nghĩa vụ thanh toán đủ số tiền 200.000.000 đồng mà chị L1 chưa thanh toán đủ theo Biên bản thỏa thuận phân chia tài sản ngày 07/11/2024 đã được UBND xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên chứng thực (Nay là xã S, tỉnh Đắk Lắk), đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự có đủ cơ sở xác định quan hệ pháp luật phải giải quyết là “Đòi lại tài sản”; theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên (Nay là TAND Khu vực 15 – Đắk Lắk).

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn, bị đơn thống nhất: Tài liệu, chứng cứ cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là: Biên bản thỏa thuận phân chia tài sản ngày 07/11/2024, được

UBND xã S chứng thực (Nay là xã S, tỉnh Đắk Lắk), thể hiện: Sau khi hai bên cân bù trừ thì chị L1 phải có trách nhiệm thanh toán cho anh S số tiền 900.000.000 đồng, chị L1 đã thanh toán trước cho anh S số tiền 700.000.000 đồng, còn lại 200.000.000 đồng chị L1 chưa thanh toán, vì lý do: Trước khi ly hôn thì hai bên có thỏa thuận miệng là giữ lại cho con gái lớn tên Đỗ Lê Quỳnh N, sinh ngày 03/4/2006 để mua xe và đóng bảo hiểm cho con hàng năm, mỗi người đóng $\frac{1}{2}$ bảo hiểm số tiền 23.000.000 đồng/năm (Bảo hiểm D đóng thời hạn 15 năm), còn lại cùng chăm lo cho các con ăn học.

HĐXX xét thấy: Tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án là Biên bản thỏa thuận phân chia tài sản ngày 07/11/2024, được UBND xã S chứng thực (Nay là xã S, tỉnh Đắk Lắk) và không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh các bên có thỏa thuận về việc giữ lại số 200.000.000 đồng cho con gái lớn tên Đỗ Lê Quỳnh N, sinh ngày 03/4/2006 để mua xe và đóng bảo hiểm cho con hàng năm, mỗi người đóng $\frac{1}{2}$ bảo hiểm số tiền 23.000.000 đồng/năm (Bảo hiểm D đóng thời hạn 15 năm), còn lại cùng chăm lo cho các con ăn học như bị đơn chị L1 trình bày. Do đó, HĐXX không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của bị đơn chị L1.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 200.000.00 đồng:

Tại phiên tòa, bị đơn chị L1 xác nhận đến nay chưa thanh toán đủ số tiền 200.000.000 đồng như nguyên đơn anh S khởi kiện là đúng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc nguyên đơn anh Đỗ Huỳnh S khởi kiện đòi lại tài sản là số tiền trên là phù hợp với quy định tại Điều 105, 166 Bộ luật dân sự.

Do đó, HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đỗ Huỳnh S.

[2.3] Xét hợp đồng bảo hiểm nhân thọ D1 do bị đơn chị L1 cung cấp: Qua xem xét hợp đồng thì HĐXX thấy rằng: Hợp đồng này do chị Lê Thị Kim L là người mua bảo hiểm và người được hưởng bảo hiểm là cháu Đỗ Lê Quỳnh N, sinh ngày 03/4/2006, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh anh Đỗ Huỳnh S ủy quyền cho chị L đứng tên mua bảo hiểm. Nên HĐXX không có cơ sở xem xét giải quyết trong vụ án đối với hợp đồng này.

[3] Với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đỗ Huỳnh S. Buộc bị đơn chị Lê Thị Kim L có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả đủ số tiền 200.000.000 đồng cho nguyên đơn anh Đỗ Huỳnh S theo Điều 280 Bộ luật dân sự. Về lãi suất do nguyên đơn anh Đỗ Huỳnh S không yêu cầu nên không xét.

[4] Án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí DSST. Trả lại 5.000.000 đồng tiền tạm ứng cho nguyên đơn

theo biên lai số 0004171 ngày 10/4/2025 của Chi cục THADS huyện S, tỉnh Phú Yên (Nay là Phòng THADS khu vực A - Đắc Lắc).

Buộc bị đơn phải chịu 5% giá trị tài sản tranh chấp tiền án phí DSST là: $200.000.000đ \times 5\% = 10.000.000đ$.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 105, 166, 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đỗ Huỳnh S về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản”. Buộc bị đơn chị Lê Thị Kim L thực hiện nghĩa vụ trả tiền 200.000.000 đồng cho nguyên đơn anh Đỗ Huỳnh S.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

2.1. Trả lại cho anh Đỗ Huỳnh S số tiền 5.000.000 đồng số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004171 ngày 10/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên (Nay là Phòng THADS Khu vực 15 – Đắc Lắc).

2.2. Buộc chị Lê Thị Kim L phải chịu số tiền 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 15 – Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 15 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu AV.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Nam Trung